

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DSPT

Ngày: 14/5/2021

V/v: *Kiện đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Năm

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung -Thư ký TAND tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/5/2021 và ngày 14/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 62/2021/TLPT- DS ngày 25/01/2021 về “kiện đòi tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố BN, tỉnh BN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2020/QĐ-PT ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BN giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bình D, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 03, phố Mai B, phường Suối H, thành phố BN, tỉnh BN.

Bị đơn: Chị Diễm Thị H, sinh năm 1986 (có mặt)

Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 129, đường Ngọc H, phường Võ C, thành phố BN, tỉnh BN.

Chỗ ở hiện nay: Số 2, phố Nguyễn Dương H, khu Khả L II, phường Võ Cường, thành phố BN, tỉnh BN.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Công T; địa chỉ: Thôn My Đ, xã Hoàng M, huyện Việt Y, tỉnh BG (vắng mặt).

Do có kháng cáo của nguyên đơn là Anh Nguyễn Bình D

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau: Nguyên đơn là Anh Nguyễn Bình D trình bày: Do có mối quan hệ làm ăn nên ngày 20/9/2017, anh, Chị Diễm Thị H và Anh Nguyễn Văn V có đến thực tế để đầu tư mua đất nền tại Dự án khu đô thị chức năng FLC Lux City Quy Nhơn có địa chỉ tại

số 06, khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Bình Định và mua căn hộ tại khách sạn The FLC Coastal Hill, địa chỉ ở khu đô thị Du lịch sinh thái FLC Quy Nhơn, khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định do Công ty Cổ phần FLC Quy Nhơn Golf & Resort là chủ đầu tư. Khi vào Quy Nhơn thì có gặp Anh Trần Công T (Thân Công Tiến) là người môi giới bất động sản đi cùng giới thiệu bán cho anh 04 lô đất nền và 02 căn hộ khách sạn. Giá mà chị H, anh Tiến đưa ra cho các lô đất nền và căn hộ như sau:

1. ½ lô đất nền ODV50-9 giá 317.000.000 đồng.
2. Lô đất nền ODV50-10 giá 659.000.000 đồng.
3. Lô đất nền ODV50-11 giá 659.000.000 đồng.
4. Lô đất nền ODV50-12 giá 672.000.000 đồng.
5. Căn hộ 38A24 giá 293.000.000 đồng.
6. Căn hộ 38A25 giá 293.000.000 đồng.

Sau đó, từ ngày 20/9/2017 đến ngày 03/11/2017, anh đã chuyển cho chị H, anh Tiến tổng số tiền là 2.507.000.000 đồng và chuyển cho công ty FLC Quy Nhơn Golf & Resort 193.000.000 đồng. Tổng số tiền anh nộp là 2.700.000.000 đồng.

Tuy nhiên khi đến ký văn bản thỏa thuận với Công ty Cổ phần tập đoàn FLC, anh thấy giá bán các lô đất nền ghi trong các văn bản thỏa thuận cụ thể như sau:

1. ½ lô đất nền ODV50-9 giá 234.019.104 đồng.
2. Lô đất nền ODV50-10 giá 468.038.208 đồng.
3. Lô đất nền ODV50-11 giá 468.038.208 đồng.
4. Lô đất nền ODV50-12 giá 501.089.059 đồng.

Nhận thấy có sự chênh lệch với giá chị H đưa ra và giá trên văn bản thỏa thuận với Công ty FLC. Sau khi tìm hiểu, anh được biết 04 lô đất nền và 02 căn hộ nêu trên chưa đủ điều kiện mở bán và các văn bản thỏa thuận đã ký với công ty Cổ phần tập đoàn FLC là trái quy định pháp luật nên ngày 22/5/2018, giữa anh và công ty Cổ phần tập đoàn FLC đã ký thanh lý các văn bản thỏa thuận. Theo đó, công ty Cổ phần tập đoàn FLC đã trả lại ông số tiền đặt cọc là 1.630.165.475 đồng. Chị H trả lại anh 417.000.000 đồng. Tổng số tiền anh nhận lại từ Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC và chị H là 2.147.165.475 đồng

Do sự chênh lệch giữa số tiền anh đã chuyển cho chị H, Anh Trần Công T và số tiền anh nhận lại nên anh xác định Chị Diễm Thị H, Anh Nguyễn Văn V còn cầm của anh số tiền là 552.834.525đ. Do vậy, anh khởi kiện yêu cầu chị H trả lại số tiền trên. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, anh đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 50.000.000 đồng. Tại bản tự khai bổ sung ngày 12/12/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh yêu cầu chị H, anh Tiến phải trả lại số tiền chênh lệch còn thiếu của các lô ODV 10, 11, 12 là 502.834.525 đồng.

Phía bị đơn Chị Diễm Thị H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với Anh Nguyễn Bình D nên vào tháng 9/2017, chị và Anh Nguyễn Bình D cùng vào Bình Định để đầu tư vào dự án của tập đoàn FLC. Cụ thể: Anh Nguyễn Bình D và chị cùng đầu tư mua lại của bà Dương Thị Bích ½ lô đất nền ODV50-9 với giá 317.000.000 đồng. Riêng cá nhân Anh Nguyễn Bình D đầu tư mua lô đất nền ODV50-10 với giá 634.044.288 đồng; Mua lô đất nền ODV50-11 với giá 634.044.288 đồng (mua lại của bà Võ Thị Lợi); Đầu tư mua lô đất nền ODV50-12 với giá 672.000.000 đồng (mua lại của bà Đoàn Thu Phương). Đối với căn hộ 38A24 và 38A25, chị không nhớ cụ thể giá do hai căn hộ này Anh Nguyễn Bình D trực tiếp mua bán với chủ đầu tư.

Do anh D mua lại những lô đất nền này của chủ cũ là bà Bích, bà Lợi, bà Phương nên giá mua mỗi lô thỏa thuận với chủ cũ là 644.044.288 đồng/1 lô (nhưng được trừ 10.000.000 đồng/1 lô là tiền hoa hồng của chị nhưng chị không lấy mà trừ thẳng cho anh D), thực tế anh D chỉ trả cho chủ cũ mỗi lô là 634.044.288 đồng. Chị xác định có nhận của anh D số tiền là 2.307.000.000 đồng nhưng toàn bộ số tiền này chị đã chuyển cho Anh Trần Công T, anh Đỗ Văn Dương để trả cho chủ cũ và một phần chuyển trực tiếp cho chủ đầu tư là tập đoàn FLC. Sau khi thanh toán cho chủ cũ các lô đất nền là bà Bích, bà Lợi, bà Phương đã ký văn bản chuyển nhượng văn bản thỏa thuận mua đất cho anh D. Sau đó anh D mới được điền tên trực tiếp trong văn bản thỏa thuận với Công ty FLC.

Đối với ½ lô đất nền ODV50-09 mua chung, chị nhờ em trai là Diễm Công Tiến trả cho anh D số tiền 317.000.000 đồng. Còn các lô ODV50-10, ODV50-11, ODV50-12 thì anh D mua của chủ cũ là bà Lợi, bà Phương nên giá trị thực tế anh D mua từ các bà khác với giá mà anh D ký văn bản thỏa thuận với Công ty FLC.

Nay anh D yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền 502.834.525 đồng, chị không đồng ý. Do trước khi mua đất dự án, anh D đã được chị thông báo giá và đồng ý mua, toàn bộ số tiền anh D chuyển cho chị, chị đã chuyển cho anh Tiến, anh Đỗ Văn Dương và công ty FLC nên chị không có trách nhiệm thanh toán cho anh D.

Còn việc anh D khởi kiện Anh Nguyễn Văn V, chị xác định anh Viên không liên quan cũng không tham gia mua bán dự án đất, anh Viên chỉ là người đi cùng chị và anh D, vợ anh D vào Quy Nhơn tham quan nên không có trách nhiệm gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Trần Công T (Thân Công Tiến) trình bày: Anh xác định là người môi giới cho bên bán là bà Võ Thị Loan, sinh năm 1976, địa chỉ: 119 Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định để bán 02 lô đất ODV50-10, 11. Thông qua Chị Diễm Thị H là người giới thiệu cho bên mua là Anh Nguyễn Bình D. Anh Tiến đã thông báo cho chị H là giá chuyển nhượng (tính theo 15% giá trị đất cùng các khoản chiết khấu ưu đãi cho chủ hợp đồng cũ được hưởng) là

644.044.288 đồng đối với mỗi lô ODV50-10, ODV50-11. Chị H đã báo lại cho anh D và anh D đồng ý với mức giá 644.044.288 đồng/1 lô.

Ngày 20/9/2017, sau khi trao đổi với chị H thì được biết Anh Nguyễn Bình D với chị H có nhu cầu mua 03 lô đất ODV50-09, 10, 11 nên anh D đã nhờ người chuyển số tiền 150.000.000 đồng cho anh để đặt cọc 50.000.000 đồng/ 1 lô, chủ của lô ODV50-09 là bà Bích; của lô ODV50-10, 11 là bà Loan.

Sau khi nhận tiền từ chị H, anh đã chuyển tiền cho chủ cũ là bà Võ Thị Loan (bà Lợi là mẹ của bà Loan nhận hộ), bà Lợi xác nhận đã nhận đủ số tiền 1.288.088.576 đồng cho hai lô ODV50-10, 11. Đối với hai lô đất này, bên môi giới là anh và chị H được cắt lại 5% giá trị mỗi lô, khoảng 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Đối với các lô ODV50-09, 10, 11 có diện tích khoảng 109 m²/1 lô, giá chủ đầu tư là Tập đoàn FLC đưa ra là 16.121.160 đồng/m². Thời điểm giao dịch mua bán đất giữa anh D với bà Bích, bà Lợi thì bà Bích, bà Lợi ký thỏa thuận đặt cọc 15% giá trị hợp đồng với Tập đoàn FLC chứ chưa có hợp đồng mua bán nên khi các bà chuyển nhượng lại cho anh D không làm hợp đồng gì. Sau khi bà Bích, bà Lợi đã nhận đủ tiền từ anh D chuyển thì các bà thông báo cho tập đoàn FLC để chuyển nhượng văn bản thỏa thuận mua đất sang cho anh D. Lúc này tập đoàn FLC xác nhận anh D là người nộp 15% giá trị hợp đồng. Số tiền anh D chuyển cho bà Lợi, bà Bích là 15% giá trị lô đất cộng các khoản chiết khấu, quà tặng cho khách mua trực tiếp với chủ đầu tư. Tiền được chuyển cho chủ cũ đã ký mua đất chứ không chuyển cho tập đoàn FLC.

Anh Tiến xác định không liên quan đến tranh chấp giữa anh D và chị H và xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên xét xử của Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai tại cơ quan điều tra anh Đỗ Văn Dương là nhân viên môi giới bất động sản của tập đoàn FLC cho biết: Do có mối quan hệ quen biết từ trước trong lĩnh vực bất động sản với Chị Diễm Thị H nên khoảng tháng 11/2017, anh giới thiệu người bán lô đất ODV50-12 là bà Đoàn Thu Phương còn chị H giới thiệu người mua là Anh Nguyễn Bình D. Giá bán lô đất ODV50-12 của tập đoàn FLC là 501.089.059 đồng. Anh thỏa thuận với bà Hương giá chuyển nhượng lô đất ODV50-12 từ chủ cũ là 560.000.000 đồng, ngoài ra còn tiền chi phí chuyển nhượng là 8.000.000 đồng, tiền hoa hồng môi giới, tiếp khách thì chị H tự tính rồi cộng thêm vào, chị H báo giá lại giá cho anh D là 672.000.000 đồng. Sau đó, chị H đã chuyển số tiền 568.000.000 đồng cho anh, anh chuyển 560.000.000 đồng cho bà Đoàn Thu Phương và làm thủ tục để bà Phương ký chuyển nhượng, rồi bà Phương giao cho chị H mang hợp đồng về cho anh D.

Với nội dung như trên bản án sơ thẩm đã căn cứ các Điều 166, 221, 275 và Điều 280 Bộ luật Dân sự; Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 184, Điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, các Điều 227, 228, 235, 262, 264, 266, 267 và Điều 271 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 50.000.000 đồng. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại nếu có căn cứ pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 502.834.525 đồng (Năm trăm linh hai triệu tám trăm ba mươi tư nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm ngày 05/10/2020, Anh Nguyễn Bình D có đơn kháng toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên ý kiến của mình, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tiến xác định không liên quan đến tranh chấp giữa anh D và chị H và xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên xét xử của Tòa án. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh D nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn là anh D khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn là chị H, anh Viên phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 552.834.52đ. Phía anh D cho rằng đây là số tiền anh D đã chuyển cho chị H để mua các lô đất dịch vụ, căn hộ nhưng do việc mua bán không thành và số tiền chị H chuyển trả anh vẫn còn thiếu nên anh D khởi kiện yêu cầu chị H, anh Viên trả lại anh số tiền mà anh cho rằng chị H còn cầm của anh. Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng các lời khai của các đương sự xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 50.000.000đ và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 502.834.525 đồng.

Sau khi bản án sơ thẩm xử, anh D là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của anh D thì thấy: Do có mối quan hệ quen biết từ trước với chị H, anh Viên và do có nhu cầu đầu tư mua đất ở Quy Nhơn nên khi biết chị H có thể mua được đất tại dự án của công ty FLC tại Quy Nhơn thì anh D đã chuyển tiền cho chị H để nhờ chị H mua đất cũng như căn hộ của dự án này. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì tổng số tiền anh D chuyển cho chị H là 2.650.000.000đ. Sau đó, anh D đã được nhận lại từ Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC 1.630.165.475đ. Chị H chuyển trả cho anh D số tiền 317.000.000đ vào ngày 24/5/2018. Ngày 03/11/2017, ông Tuấn là Phó giám đốc sản phẩm bất động sản Lộc Hà chuyển trả anh D 100.000.000đ. Tổng số tiền anh D đã nhận lại từ Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC, chị H và ông Tuấn là 2.147.165.475đ. Anh D cho rằng số tiền anh nhận lại còn thiếu so với số tiền anh chuyển cho chị H nên anh khởi kiện chị H yêu cầu trả lại anh số tiền còn thiếu. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy: Ngày 03/10/2017, chị H nhận của anh D số tiền 1.435.000.000đ để thanh toán cho các lô ODV 50-9, 10, 11, trong đó tiền thanh toán cho lô ODV 50-10, 11 là 1.268.000.000đ. Theo giá của công ty FLC thì giá của một lô này là 468.038.208đ. Chủ cũ của hai lô này là bà Loan. Bà Loan đã ký văn bản đặt cọc với công ty FLC, sau đó bà Loan có nhu cầu chuyển nhượng lại hai lô đất này nên nhờ anh Thân Công Tiến tìm người mua. Anh Tiến có thông qua chị H và nói giá chuyển nhượng mỗi lô là 644.044.288đ. Chị H đã giới thiệu cho anh D để mua lô đất này. Số tiền chị H nhận của anh D chị H đã chuyển khoản cho anh Tiến để thanh toán với chủ đất là bà Loan với tổng số tiền 1.288.088.576đ. Đây là toàn bộ số tiền anh D chuyển cho chị H. Như vậy, không có căn cứ nào cho rằng chị H giữ lại số tiền chênh lệch của anh D từ hai lô đất này. Hơn nữa, tại bảng chi tiết thanh toán các lô ODV 50- 9,10, 11 thể hiện anh D cũng biết số tiền chênh lệch giữa giá của công ty FLC và giá mua lại của chủ cũ là bà Loan nhưng anh D vẫn đồng ý cho nên anh D mới tự nguyện chuyển tiền cho chị H.

Đối với lô ODV 50-12: Theo các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp thì thấy ngày 09/10/2017 chị H có thông báo cho anh D qua tin nhắn zalo về số tiền của lô đất này là 672.064.931đ. Anh D biết giá này nên ngày 03/11/2017, anh D đã chuyển số tiền này cho chị H. Không những thế theo anh Đỗ Văn Dương thì anh D đồng ý mua lô đất này với giá 672.000.000đ nên khi chị H chuyển cho anh Đỗ Văn Dương số tiền khoảng 568.000.000đ thì anh Đỗ Văn Dương lại chuyển toàn bộ số tiền này cho chủ cũ là bà Phương. Bà Phương sau khi nhận tiền đã ký văn bản thỏa thuận chuyển nhượng lô ODV 50-12 cho anh D với giá 501.089.059đ. Số tiền chênh lệch là tiền môi giới và tiền chủ cũ được hưởng. Anh D biết và đồng ý nên mới chuyển tiền cho chị H. Không những thế, tại cơ quan cảnh sát điều tra anh D cũng khai trước khi anh chuyển tiền cho chị H để thanh toán tiền mua các lô đất thì

chị H có trao đổi giá với anh về các lô ODV 50-9, 10,11 với giá là 468.038.208đ/1 lô+ 176.016.080đ/1 lô tiền chênh lệch = 644.044.288đ và giá lô ODV 50-12 là 501.089.059đ+ 170.975.872đ tiền chênh lệch= 672.064.931đ. Qua lời trình bày của anh D tại cơ quan điều tra có thể thấy anh D đã biết về giá của các lô đất anh định mua nên anh mới chuyển cho chị H số tiền như anh đã trình bày. Do đó, việc anh D trình bày chị H chiếm giữ tiền của anh là không có cơ sở.

Đối với số tiền 317.000.000đ anh D nhận lại của chị H vào ngày 24/5/2018 là số tiền của lô ODV 50-09. Số tiền này không có tranh chấp giữa các bên nên bản án sơ thẩm không xem xét là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên có thể thấy việc anh D chuyển tiền cho chị H là tự nguyện và trước khi chuyển tiền anh D đã được chị H thông báo về giá của các lô đất cũng như tiền chênh lệch phải trả cho chủ cũ là bà Lợi, bà Phương và tiền môi giới. Anh D không có ý kiến gì về số tiền này nên mới chuyển cho chị H số tiền đó. Sau đó, chị H đã chuyển lại cho những người khác để chuyển trả cho chủ cũ, chủ đầu tư nên anh D sau đó mới được ký văn bản thỏa thuận mua các lô đất với công ty cổ phần tập đoàn FLC. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh chị H giữ lại số tiền 502.834.525 đồng như anh D trình bày. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nên kháng cáo của anh D không có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, ngày 13/12/2019, anh D có bản tự khai bổ sung đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu, buộc chị H, anh Tiến cùng có trách nhiệm trả lại anh số tiền 502.834.525đ. Bản án sơ thẩm không xem xét yêu cầu này của anh D vì yêu cầu này đưa sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Việc không xem xét yêu cầu này của Tòa án sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh D là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật nên cần bác toàn bộ kháng cáo của anh D và giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

[3]. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố BN, tỉnh BN không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh D không được chấp nhận nên anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Anh Nguyễn Bình D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố BN, tỉnh BN. Cụ thể:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 50.000.000 đồng. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại nếu có căn cứ pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 502.834.525 đồng. (Năm trăm linh hai triệu tám trăm ba mươi tư nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Bình D phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000540 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BN, tỉnh BN.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố BN, tỉnh BN không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND TP BN;
- Chi cục THADS TP BN;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Bình